

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BB
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:80/2020/HS-ST
Ngày: 30-11-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BB-TỈNH BÌNH THUẬN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Bà Nguyễn Thị Phương Dung

2.Ông Nguyễn Ngọc Minh

-Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Chiêm Vân–Thư ký Tòa án nhân dân huyện BB, tỉnh Bình Thuận.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BB, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Ông Trần Ân Đông– Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện BB, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 68/2020/TLHS-ST ngày 05 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2020/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 11 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: Huỳnh Hữu H, sinh ngày 25/4/1996, tại tỉnh BT;Hộ khẩu thường trú: Thôn Mai L, xã Phan Th, huyện BB, tỉnh BT.

Nơi cư trú hiện nay: Thôn Mai Lãnh, xã Phan Th, huyện BB, tỉnh BT;nghề nghiệp:Không;trình độ văn hóa: lớp 9/12;dân tộc:Chăm; giới tính: Nam;tôn giáo:Bà la môn;quốc tịch:Việt Nam;con ông: Huỳnh Văn M, sinh năm 1973 và con bà Trần Thị L, sinh năm 1974;tiền án:Không; tiền sự:Không; nhân thân:Ngày 05/9/2013 Tòa án nhân dân huyện BB xử phạt 06 tháng tù về tội “Cố ý làm hư tài sản”.Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 28/7/2020 đến nay(có mặt tại phiên tòa)

-Người bị hại: 1/Nguyễn Văn T, sinh năm 1999(có mặt)

Nơi cư trú: Thôn Thanh K, xã Phan T, huyện BB, tỉnh BT.

2/Nguyễn Thanh T, sinh năm 2000(có mặt)

Nơi cư trú: Khu phố Lương T, thị trấn Lương S, huyện BB, tỉnh BT

3/Huỳnh Duy T, sinh năm 2003(có mặt)

Nơi cư trú: Khu phố Lương T, thị trấn Lương S, huyện BB, tỉnh BT

-Nguyên đơn dân sự: 1/Nguyễn Thanh V, sinh năm 1975(có mặt)

Nơi cư trú: Khu phố Lương T, thị trấn Lương S, huyện BB, tỉnh BT

2/Nguyễn Thị L, sinh năm 1968(có mặt)

Nơi cư trú: Khu phố Lương T, thị trấn Lương S, huyện BB, tỉnh BT

-Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1/Nguyễn Văn Q, sinh năm 1995(có mặt)

Nơi cư trú: Thôn Thanh K, xã Phan T, huyện BB, tỉnh BT.

2/Lê Quang T, sinh năm 1997(có mặt)

Nơi cư trú: Thôn Hải X, xã Hải N, huyện BB, tỉnh BT

3/Đặng Hiền T, sinh năm 1997(có mặt)

Nơi cư trú: Thôn Hải X, xã Hải N, huyện BB, tỉnh BT

-Người làm chứng: 1/Trần Minh Q, sinh năm 1999(vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn Thái H, xã Hồng T, huyện BB, tỉnh BT

2/Nguyễn Văn C, sinh năm 1998(có mặt)

Nơi cư trú: thôn Thái H, xã Hồng T, huyện BB, tỉnh BT.

3/Nguyễn Hồng C, sinh năm 1998(có mặt)

Nơi cư trú: thôn Thái H, xã Hồng T, huyện BB, tỉnh BT.

4/Trần Văn L, sinh năm 2002(có mặt)

Nơi cư trú: khu phố Lương T, thị trấn Lương S, huyện BB, tỉnh BT

5/Huỳnh Tiến S, sinh năm 1980(vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn Tịnh M, xã Phan T, huyện BB, BT.

6/Huỳnh Thị Như M, sinh năm 1996(có mặt)

Nơi cư trú: Thôn Hải X, xã Hải N, huyện BB, tỉnh BT

7/Võ Dương Nguyên V, sinh năm 1994(vắng mặt)

Nơi cư trú: khu phố Hiệp P, thị trấn Chợ L, huyện BB, tỉnh BT

8/Nguyễn M, sinh năm 1960(vắng mặt)

Nơi cư trú: khu phố Hiệp P, thị trấn Chợ L, huyện BB, tỉnh BT

9/Nguyễn Tấn T, sinh năm 1988(vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn Hòa T, thị trấn Chợ L, huyện BB, tỉnh BT

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Huỳnh Hữu H là con nghiện đã lợi dụng sự quen biết của các bị hại nên đã thực hiện hành vi phạm tội như sau:

Lần 1:Khoảng 21 giờ ngày 14/4/2018, Huỳnh Hữu H đi chơi game về ngang qua quán trà sữa nhìn thấy Nguyễn Văn T, Trần Minh Q, Nguyễn Văn C và Nguyễn Hồng C là những bạn quen từ thời học cấp 2 nên Huỳnh Hữu H nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của những người này nên đến gần đứng sau lưng

Nguyễn Văn T nói cho mượn xe đem trà sữa về nhà cho mẹ nhưng T bảo để Trọng chở đi nhưng H không đồng ý và nói lại “Mày sợ tao lấy xe mày đi bán à”. Nghe vậy, T đồng ý cho H mượn xe mô tô biển số 86B2-27832, hiệu Yamaha, loại Sirius do T sử dụng nhưng Nguyễn Văn Q là anh của T là chủ sở hữu. Sau khi nhận được xe, Huỳnh Hữu H điều khiển xe chạy vô thành phố Phan Thiết bán cho người đang đi bộ không biết tên với giá 4.000.000 đồng. Nguyễn Văn T cùng mẹ đến nhà mẹ Huỳnh Hữu H đòi lại xe mô tô biển số 86B2-278.32 không được nên 24/3/2020 Nguyễn Văn T làm đơn tố cáo Huỳnh Hữu H tại Cơ quan công an xã Phan T và chuyển cơ quan Công an huyện BB điều tra.

Lần 2: Khoảng 7 giờ ngày 01/01/2020, Nguyễn Thanh T điều khiển xe mô tô biển số 86B2-40813 hiệu Honda loại winer màu trắng đen do Nguyễn Thanh Vũ là cha của T đứng tên sở hữu đến nhà Huỳnh Tiến S chơi có Huỳnh Hữu H tại nhà S, H mượn xe của T đi công chuyện và chở bạn gái đi cà phê đến 12 giờ về lại nhà Huỳnh Tiến S đưa xe cho T. Tại nhà Huỳnh Tiến S, trong lúc nằm nghỉ Huỳnh Hữu H nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô biển số 86B2-40813 nên nói dối với T cho mượn xe đi công việc nhưng sau khi được giao xe Huỳnh Hữu H không đi công việc mà chạy xe đến nhà Lê Quang T ở Hải N lấy giấy đăng ký xe mô tô bản sao đưa T nhờ Trung đi cầm thế cho Nguyễn Tấn T lấy 5.000.000 đồng, sau đó Trung lấy 500.000đ nói với H đưa trước lãi. Huỳnh Hữu H thuê xe về lại nhà Huỳnh Tiến S nhờ Sinh nói với T đã thế chấp xe và T có nói với H cố gắng đem xe về trong vòng 2-3 ngày nhưng H chỉ hứa hẹn cho qua để T không trình báo Công an. Đến 17 giờ 30 phút ngày 03/01/2020 Huỳnh Hữu H điện thoại cho T và hỏi T nếu xe bán luôn thì được bao nhiêu và T nói để tìm người rồi báo lại. Sau đó T tìm Đặng Hiền T ở Hải N dẫn T đến tiệm cầm đồ trả cho anh Nguyễn Tấn T 5.500.000 đồng lấy xe và giấy chứng nhận đăng ký xe bản phô tô chứng thực ra giao cho T bán cho Tchiếc xe mô tô biển số 86B2-40813 với giá 8.000.000 đồng nhưng T nói với Huỳnh Hữu H bán 7.000.000 đồng và chỉ chở H đến tiệm sửa xe của Đặng Hiền T lấy 2.000.000 đồng, còn lại 500.000 đồng T đã đưa cho Lê Quang T. Nguyễn Thanh V đã liên hệ cho Huỳnh Hữu H nhưng hẹn không đem xe về và sau đó không liên lạc được nên ngày 18/02/2020 ông V đến nhà mẹ Huỳnh Hữu H báo về sự việc mượn xe không trả, sau đó bà Mai Thị L là mẹ Huỳnh Hữu H đi tìm xe, ngày 20/02/2020 phát hiện xe tại tiệm sửa xe của Đặng Thái H nhưng đã thay đổi màu và chủ xe đã đổi tên Huỳnh Thị Như M do Đặng Thái H nhờ Võ Dương Nguyên V làm hồ sơ mua bán giả tạo để đăng ký lại chủ sở hữu xe nên Nguyễn Thanh V trình báo Công an xã Hải N và bà M và ông V giao nộp giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô 86B2-480.13 nhưng đã sang tên xe chủ sở hữu là Huỳnh Thị Như M ,màu sơn xanh trắng.

Lần 3: Khoảng 9 giờ ngày 07/01/2020, Huỳnh Hữu H điện thoại cho Huỳnh Duy T nói với T cho H mượn xe mô tô đi mượn tiền tiêu xài nên 9 giờ 30 phút Huỳnh Duy T điều khiển xe mô tô biển số 86B2-439.90 nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter 150 màu đen do Nguyễn Thị L là chủ sở hữu. L giao con là Huỳnh Duy T sử dụng, T chở Trần Văn L đến nhà Huỳnh Tiến S gặp H giao xe cho H mượn. H lấy xe của T giao, chở L và T đến quán cà phê ở xã Hồng T để vào uống nước. Tại quán, H bảo T cho mượn xe đi lấy tiền chút quay lại nên

T đồng ý giao xe cho Huỳnh Hữu H nhưng H chạy vòng vòng trong khu vực xã Phan T quay lại quán gọi đồ ăn cho T và L bảo ăn đi lát quay lại trả tiền và có ý định chiếm đoạt mô tô của T nên tiếp tục mượn xe được T đồng ý. Đến 14 giờ Huỳnh Hữu H chạy xe đi lòng vòng rồi quay lại tính tiền ăn rồi chở T và L lên quán cà phê dọc Quốc lộ 1 A vào và nói dối là quán quen cứ ngồi đợi H đi lấy tiền rồi quay lại nên T và L tin tưởng giao xe vào quán ngồi gọi nước và thuốc hút cùng mì tôm ăn. Trong lúc ăn T và L hỏi chủ quán có phải quen H không và được chủ quán trả lời không quen biết. T và L ngồi đợi đến 22 giờ 30 phút, T gọi điện thoại nhưng H nói 30 phút nữa quay lại nhưng sau đó T gọi 18 cuộc nhưng Huỳnh Hữu H không nghe máy và tắt điện thoại và ngày 08/01/2020 Huỳnh Hữu H điều khiển xe mô tô biển số 86B2-43990 đi Thành phố Hồ Chí M bán cho người đi đường với giá 6.500.000 đồng. Ngày 31/7/2020 Huỳnh Duy T làm đơn báo công an huyện BB tố cáo Huỳnh Hữu H.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 34/2020/HĐĐG-TTHS ngày 17/4/2020 kết luận: Xe mô tô biển số 86B2-278.32, nhãn hiệu YAMAHA, loại Sirius, màu xám đen, mua năm 2015. Bị chiếm đoạt tháng 4/2018 có đơn giá 19.000.000đ, tỷ lệ sử dụng còn lại 30%, thành tiền: 5.700.000đ (Năm triệu bảy trăm nghìn đồng).

Tại bản kết luận định giá tài sản số 21/2020/HĐĐG-TTHS ngày 01/4/2020 kết luận: Xe mô tô biển số 86B2-40813, nhãn hiệu Honda, loại Winer màu trắng đen, mua đầu năm 2018. Bị chiếm đoạt tháng 1/2020 có đơn giá 45.990.000đ, tỷ lệ sử dụng còn lại 60%, thành tiền: 27.594.000đ (Hai mươi bảy triệu năm trăm chín mươi bốn nghìn đồng).

Tại bản kết luận định giá tài sản số 51/2020/HĐĐG-TTHS ngày 27/8/2020 kết luận: Xe mô tô biển số 86B2-439.90, nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter, màu đen, mua năm 2018. Bị chiếm đoạt tháng 1/2020 có đơn giá 48.000.000đ, tỷ lệ sử dụng còn lại 60%, thành tiền: 28.800.000đ (Hai mươi tám triệu tám trăm nghìn đồng).

-Tang vật vụ án: + Xe mô tô biển số 86B2-40813 cơ quan điều tra sau khi định giá đã giao lại cho Nguyễn Thanh V.

Xe mô tô biển số 86B2-439.90, nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter, màu đen và Xe mô tô biển số 86B2-278.32, nhãn hiệu YAMAHA, loại Sirius, màu xám đen không thu hồi được.

-Trách nhiệm dân sự: + Bị hại Nguyễn Văn T yêu cầu bị cáo Huỳnh Hữu H bồi thường xe mô tô biển số 86B2-27832 với số tiền 5.700.000 đồng.

+ Bị hại Huỳnh Duy T cùng nguyên đơn dân sự bà Nguyễn Thị L yêu cầu bị cáo Huỳnh Hữu H bồi thường xe mô tô biển số 86B2-43990 số tiền 28.800.000 đồng đến nay Huỳnh Hữu H chưa bồi thường.

+ Bị hại Nguyễn Thanh T và nguyên đơn dân sự Nguyễn Thanh V đã nhận lại xe mô tô biển số 86B2-40813 không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm.

+ Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Đặng Hiền T không yêu cầu Lê Quang T và Huỳnh Hữu H hoàn lại số tiền 8.000.000 đồng.

Cáo trạng số 69/CT-VKSBB ngày 30/9/2020 Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Bình truy tố bị cáo Huỳnh Hữu H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa: +Đại diện VKS thực hành quyền công tố sau khi phân tích hành vi, tính chất, hậu quả gây ra của bị cáo đã giữ nguyên cáo trạng truy tố Huỳnh Hữu Hòa theo tội danh “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; Điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 đề nghị Hội đồng xét xử tuyên mức hình phạt đối với bị cáo Huỳnh Hữu H từ 36(Ba mươi sáu) đến tháng 42(Bốn mươi hai) tháng tù.

Biện pháp tư pháp:Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584; Điều 585, Điều 586 và Điều 589 Bộ luật dân sự đề nghị bị cáo Huỳnh Hữu H phải bồi thường cho bị hại Huỳnh Duy T đại diện chủ sở hữu xe 86B2-43990 với số 28.800.000 đồng (Hai mươi tám triệu tám trăm nghìn đồng).Bồi thường cho bị hại Nguyễn Văn T đại diện chủ sở hữu xe mô tô biển số 86B2-27832 với số tiền 5.700.000 đồng

Vật chứng thu giữ: Cơ quan điều tra đã thu giữ chiếc xe mô tô biển số 86B2-40813 và giao lại chủ sở hữu Nguyễn Thanh V nên không xem xét.

Đối với hành vi của Lê Quang T giúp bị cáo H bán xe mô tô biển số 86B2-40813 cho Đặng Hiền T và hành vi của Đặng Hiền T sau khi mua xe mô tô biển số 86B2 40813 chỉ có giấy đăng ký xe bản phô tô chứng thực và đã nhờ Võ Dương Nguyên V làm giấy tờ mua bán giả sẽ được xử lý tin báo khác.

+ Đối với hành vi Võ Dương Nguyên V và Nguyễn M là hồ sơ mua bán để đổi giấy đăng ký xe sang tên Huỳnh Thị Như M không đúng trình tự thủ tục cơ quan điều tra đã xử lý về hành vi những người liên quan riêng theo quy định pháp luật.

+ Bị cáo Huỳnh Hữu H nhất trí với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BB đồng thời thành khẩn khai báo nhận tội, và nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và đồng ý bồi thường cho các bị hại và nguyên đơn dân sự.

+Người bị hại Nguyễn Văn T, Huỳnh Duy T, Nguyễn Thanh T và nguyên đơn dân sự Nguyễn Thị L, Nguyễn Thanh V và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Đặng Hiền T, Lê Quang T không trình bày gì thêm thống nhất đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và yêu cầu xử lý theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]Về thủ tục tố tụng:+Hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Bắc Bình, Điều tra viên, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện BB trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người

tiến hành tố tụng. Do đó, Hội đồng xét xử đánh giá các hành vi, Quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp và đúng pháp luật.

+Tại phiên tòa hôm nay vắng mặt người làm chứng Nguyễn Văn C, Nguyễn Hồng C, Huỳnh Tiến S, Nguyễn M và Võ Dương Nguyễn V nhưng Hội đồng xét xử vắng mặt là phù hợp quy định tại Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về căn cứ xác định tội danh và buộc tội: Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Huỳnh Hữu H đã thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng nêu và đối chiếu lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của các bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng tại phiên tòa cũng như các lời khai có trong hồ sơ vụ án, các kết luận định giá số 21/2020/HĐĐG-TTHS ngày 01/4/2020, số 34/2020/HĐĐG-TTHS ngày 17/4/2020, kết luận định giá số 51/2020/HĐĐG-TTHS ngày 27/8/2020, căn cứ kết luận điều tra số 76/KLĐT ngày 03/9/2020 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện BB và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở kết luận bị cáo Huỳnh Hữu H lợi dụng sự quen biết các bị hại Nguyễn Thanh T, Nguyễn Văn T và Huỳnh Duy T nên muốn chiếm đoạt tài sản của các bị hại. Ngày 14/4/2018, ngày 01/01/2020 và ngày 07/01/2020 bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối mượn xe của các bị hại đi công việc làm cho người quản lý tài sản hợp pháp của 3 chiếc xe mô tô biển số 86B2-27832, 86B2-40813 và 86B2-43990 tin và giao xe cho bị cáo mượn. Sau khi nhận được xe của các bị hại giao. Bị cáo không thực hiện như lời hứa khi mượn mà bị cáo điều khiển đi bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Trị giá tài sản bị cáo chiếm đoạt là 62.094.000 đồng (*Sáu mươi hai triệu không trăm chín mươi bốn nghìn đồng*) đã phạm vào tội “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. tội phạm được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3] Về nhận thức và tính chất mức độ hành vi phạm tội: Bị cáo Huỳnh Hữu H nhận thức được tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm tài sản trái pháp luật của người khác là vi phạm pháp luật nhưng do bị cáo xem thường tài sản của người khác, xem thường pháp luật và thói quen ăn chơi lêu lổng, lười biếng muốn có tiền tiêu xài và mua ma túy sử dụng nên bị cáo thực hiện hành vi phạm tội. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo bỏ trốn đi Thành phố Hồ Chí M, không liên lạc lại với bị hại, tài sản bị cáo chiếm đoạt không thu hồi được, không khắc phục được hậu quả sau khi đã phát hiện. Nhân thân bị cáo đã từng bị Tòa án nhân dân huyện BB xử phạt 06 tháng tù về tội “ Cố ý làm hư hỏng tài sản” nhưng bị cáo vẫn không có ý thức chấp hành pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy hành vi thực hiện tội phạm của bị cáo rất nguy hiểm cho xã hội, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định nhằm răn đe, giáo dục bị cáo đồng thời phòng ngừa tội phạm chung tại địa phương hiện nay.

[4] Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản 3 lần, mỗi lần có giá trị 5.700.000 đồng, 27.594.000 đồng và 28.800.000 đồng là phạm tội 02 lần trở lên. Đây là tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Huỳnh Hữu H đã thành khẩn khai báo nên Hội đồng xét xử sẽ xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 cho bị cáo khi lượng hình.

[5] Đối với đề đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa áp dụng tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ cho bị cáo và đề nghị mức hình phạt cho bị cáo Huỳnh Hữu H mức án từ 36-42 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và áp dụng biện pháp tư pháp đối với bị cáo là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận;

[6] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa bị hại Huỳnh Duy T và nguyên đơn dân sự bà Nguyễn Thị L đại diện chủ sở hữu xe 86B2-43990 yêu cầu bị cáo Huỳnh Hữu H bồi thường chiếc xe mô tô với số 28.800.000 đồng (Hai mươi tám triệu tám trăm nghìn đồng). Bị hại Nguyễn Văn T đại diện chủ sở hữu xe mô tô biển số 86B2-27832 yêu cầu bị cáo Huỳnh Hữu H bồi thường chiếc xe mô tô với số tiền 5.700.000 đồng là có căn cứ và đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584; Điều 585, Điều 586 và Điều 589 Bộ luật dân sự pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

+ Đối với số tiền 8.000.000 đồng Đặng Hiền T đã mua xe máy từ Lê Quang T và Huỳnh Hữu H nhưng xe đã được Đặng Hiền T giao trả lại cho cơ quan điều tra trả cho chủ sở hữu Nguyễn Thanh V nhưng không yêu cầu người có quyền lợi liên quan Lê Quang T và bị cáo Huỳnh Hữu H bồi thường lại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về xử lý tang vật chứng vụ án: Đối với chiếc xe mô tô biển số 86B2-408143 cơ quan điều tra đã thu hồi và giao lại ông Nguyễn Thanh V đã nhận lại không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên không xét.

[8] Đối với hành vi của Lê Quang T giúp bị cáo Huỳnh Hữu H bán xe mô tô biển số 86B2-40813 cho Đặng Hiền T và tại phiên tòa, Đặng Hiền T và Lê Quang T khai nhận sau khi mua xe mô tô biển số 86B2 40813 chỉ có giấy đăng ký xe bản phô tô chứng thực nên mua bán giá rẻ và Thái đã nhờ Võ Dương Nguyên V làm giấy tờ mua bán giả giữa chủ xe Nguyễn Thanh V với Huỳnh Thị Như M đại diện Viện kiểm sát đề nghị sẽ xem xét xử lý tin báo khác và hành vi Võ Dương Nguyên V và Nguyễn M làm hồ sơ mua bán để đổi giấy đăng ký xe sang tên Huỳnh Thị Như M không đúng trình tự thủ tục cơ quan điều tra đã xử lý về hành vi những người liên quan riêng theo tin báo khác là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

[9] Về án phí: Bị cáo Huỳnh Hữu H phải nộp án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 và điểm a,c Điều 23; Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Điểm c khoản 2 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017;

Tuyên bố: Bị cáo Huỳnh Hữu H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

Tuyên phạt: Bị cáo Huỳnh Hữu H 3(Ba) năm 06(Sáu) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt giam 28/7/2020.

Áp dụng: Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584; Điều 586; Điều 589 và Điều 357 Bộ luật dân sự;

Buộc: Bị cáo Huỳnh Hữu H phải bồi thường cho bị hại Huỳnh Duy T do đại diện bà Nguyễn Thị L chủ sở hữu xe 86B2-43990 nhận với số 28.800.000 đồng (Hai mươi tám triệu tám trăm nghìn đồng). Bồi thường cho bị hại Nguyễn Văn Trọng đại diện chủ sở hữu xe mô tô biển số 86B2-27832 số tiền 5.700.000 (Năm triệu bảy trăm nghìn) đồng,

Áp dụng: Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điểm a,c Điều 23, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc: Bị cáo Huỳnh Hữu H phải nộp 200.000 đồng tiền án phí Hình sự sơ thẩm và 1.725.000 đồng tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải thi hành cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai. Bị cáo, bị hại, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận :

- Bị cáo
- Bị hại
- Nguyên đơn dân sự
- Người có qllq
- VKS huyện BB;
- THA;
- Công an H.BB
- Lưu H/s VA.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thị Thanh Thảo

